

Số: 20/BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc thực hiện khảo sát đánh giá thực trạng và mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy đại học tại Trường Đại học Tây Nguyên (Khảo sát trực tuyến)

Kính gửi: - **Hiệu trưởng**
- **Các đơn vị trong Trường**

Để nâng cao chất lượng đào tạo, công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, có số liệu, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo. Với mục tiêu không ngừng cải tiến chất lượng, thực hiện Kế hoạch số 02/KH-ĐHTN ngày 20 tháng 01 năm 2025 về Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm 2025, Nhà trường đã ban hành Thông báo số 338/TB-ĐHTN ngày 20 tháng 10 năm 2025 Về việc thực hiện khảo sát đánh giá thực trạng và mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy đại học tại Trường Đại học Tây Nguyên; Phòng Quản lý chất lượng báo cáo việc triển khai khảo sát và kết quả cụ thể như sau:

PHẦN I. TỔ CHỨC KHẢO SÁT

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số trong giáo dục đang diễn ra mạnh mẽ, việc ứng dụng AI trở thành xu hướng tất yếu nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực tự học của người học. AI không chỉ hỗ trợ giảng viên trong thiết kế, quản lý và đánh giá quá trình dạy học mà còn góp phần cá nhân hóa trải nghiệm học tập, thúc đẩy hiệu quả và sáng tạo trong môi trường giáo dục đại học.

Nhằm khảo sát thực trạng và mức độ ứng dụng AI trong giảng dạy đại học tại Trường Đại học Tây Nguyên, Nhà trường tổ chức thu thập thông tin, ý kiến và kinh nghiệm từ Quý Thầy/Cô. Kết quả khảo sát sẽ là cơ sở để đề xuất những giải pháp khả thi, góp phần tăng cường hiệu quả ứng dụng AI trong hoạt động giảng dạy và chuyển đổi số của Trường trong thời gian tới.

Hiệu trưởng yêu cầu các khoa triển khai thực hiện khảo sát với các nội dung cụ thể như sau:

1. Mục đích

Thu thập ý kiến giảng viên phục vụ cải tiến chất lượng đào tạo.

2. Yêu cầu

Giảng viên trong Trường hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu phiếu khảo sát của Nhà trường. Câu trả lời của giảng viên sẽ được bảo mật và chỉ được sử dụng phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu này.

3. Thời gian thực hiện

Từ ngày 20 đến ngày 24 tháng 10 năm 2025.

4. Đối tượng tham gia khảo sát

Giảng viên tham gia giảng dạy tại **07 khoa đào tạo** tại Trường; Số lượng **210 mẫu**. Cụ thể, số lượng như sau:

- Khoa Lý luận chính trị: 10; - Khoa Nông nghiệp: 40; - Khoa Ngoại ngữ: 15; - Khoa KHTNCN: 30; - Khoa Kinh tế: 30; - Khoa Sư phạm: 25; - Khoa Y Dược: 60.

5. Phương pháp thực hiện

- Sử dụng bảng câu hỏi khảo sát trực tuyến (Survey - On-line Questionnaire), theo đường link khảo sát và thông tin đăng nhập dưới đây:

<https://forms.gle/yko1xo1F8BP5kaZC6>

- Sử dụng công cụ khảo sát Google forms và triển khai trực tiếp đường link khảo sát (đánh giá) tới từng đối tượng liên quan thông qua các kênh tương tác như: Email, Zalo, Lãnh đạo các đơn vị, Website Trường (<https://www.ttn.edu.vn/index.php/vanban/vbkiemdinhcsgddh>), Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, ...

- Dữ liệu được thu tập qua Google forms và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2019; Phân tích số liệu khảo sát thông qua phần mềm SPSS 21 (nếu có);

- Viết báo cáo kết quả sau khi xử lý dữ liệu;

- Phản hồi kết quả khảo sát đến các bên liên quan;

- Lưu trữ kết quả khảo sát;

- Lập kế hoạch khắc phục, cải tiến theo chu trình P-D-C-A trong giai đoạn tiếp theo.

PHẦN II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Theo Kế hoạch khảo sát được Lãnh đạo Nhà trường phê duyệt, phòng Quản lý chất lượng đã triển khai công tác khảo sát, sau thời gian khảo sát thu được 222 lượt ý kiến đánh giá, góp ý của giảng viên từ 07 Khoa trong Trường, kết quả được tổng hợp cụ thể như sau:

Cơ cấu về đối tượng tham gia khảo sát (đơn vị chuyên môn, giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác), được thể hiện cụ thể ở Biểu đồ bên dưới.

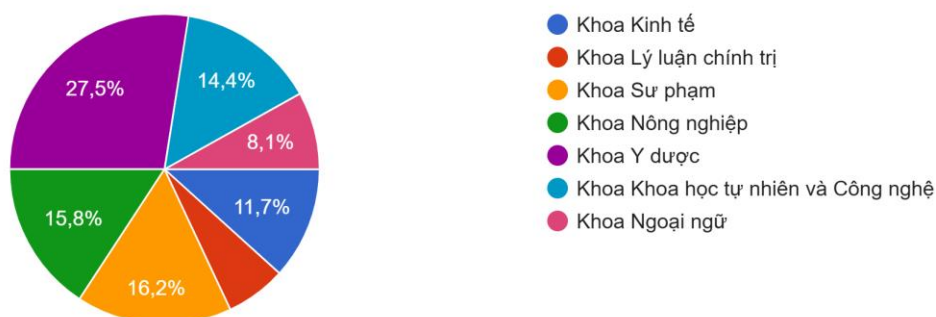
Khảo sát 222 giảng viên, trong đó Nữ chiếm 67,1%, Nam 32,9%; phân bố theo các đơn vị, cụ thể: Khoa Y Dược chiếm tỷ lệ cao nhất 27,5%, kế đến là Khoa Sư phạm 16,2%, Khoa Nông nghiệp 15,8%, Khoa Khoa học Tự nhiên & Công nghệ 14,4%, Khoa Kinh tế 11,7%, Khoa Ngoại ngữ 8,1%, và thấp nhất là Khoa Lý luận chính trị khoảng 6,3%; điều này cho thấy mức độ tham gia nổi trội của khối sức khỏe, đồng thời các khối còn lại vẫn góp tiếng nói đủ để phản ánh bức tranh toàn trường.

Về độ tuổi: Nhóm 30–40 tuổi chiếm lớn nhất 44,6%, tiếp theo 41–50 tuổi 31,5%, dưới 30 tuổi 12,6%, 51–60 tuổi 9,9%, và trên 60 tuổi ~1,4%. Cấu trúc này cho thấy lực lượng nòng cốt ở độ tuổi trung niên trẻ.

Về thâm niên giảng dạy: 11–20 năm đứng đầu với 42,8%, kế đến trên 20 năm 22,1%, 5–10 năm 19,4%, và dưới 5 năm 15,8%. Kết quả khảo sát thu được cho thấy mẫu thiên về giảng viên có kinh nghiệm, thuận lợi cho việc thí điểm và lan tỏa thực hành AI.

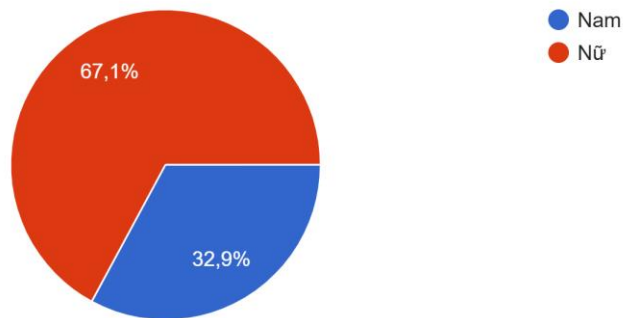
Câu 1: Quý Thầy Cô đang sinh hoạt chuyên môn ở đơn vị nào?

222 câu trả lời



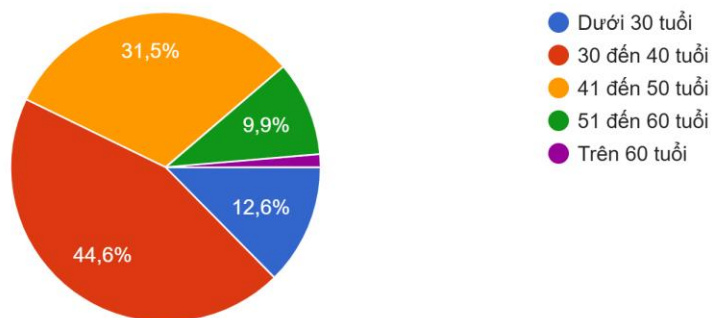
Câu 2: Giới tính

222 câu trả lời



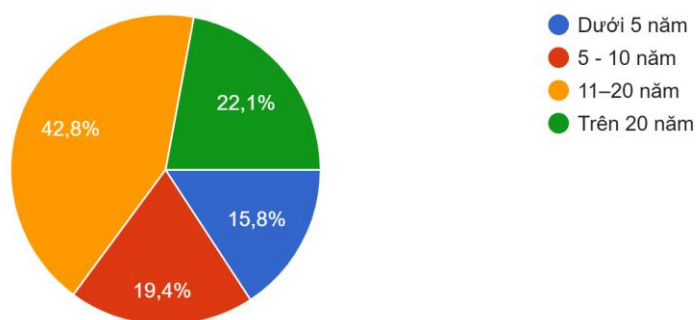
Câu 3: Độ tuổi

222 câu trả lời



Câu 4: Thâm niên giảng dạy

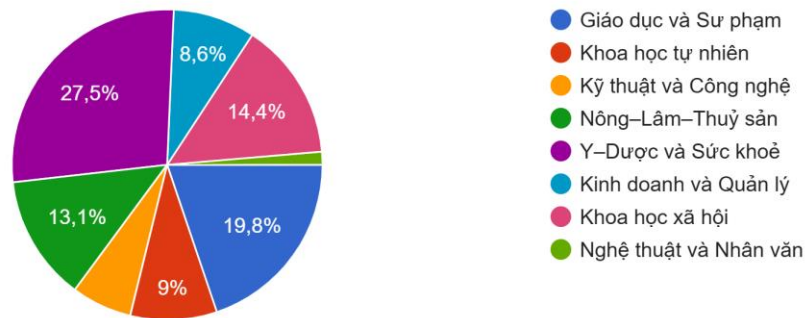
222 câu trả lời



Biểu đồ. Cơ cấu đối tượng khảo sát theo giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và vị trí công tác

Câu 5: Môn học/lĩnh vực mà quý Thầy/Cô tham gia giảng dạy

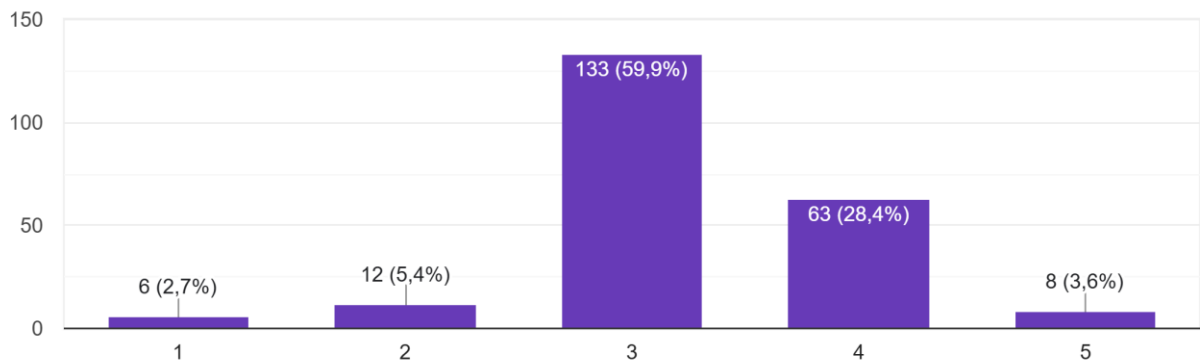
222 câu trả lời



Biểu đồ cho thấy cơ cấu lĩnh vực đa dạng, nghiêng về khối Y-Dược và sức khỏe dẫn đầu 27,5%, tạo lực kéo cho thí điểm AI về chuẩn hóa tài liệu, mô phỏng, phản hồi lâm sàng. Giáo dục-Sư phạm 19,8% và Khoa học xã hội 14,4% là nền cho sử dụng tạo câu hỏi, thiết kế hoạt động lớp. Nông-Lâm-Thủy sản 13,1% phù hợp áp dụng AI cho tài liệu thực nghiệm, dữ liệu hiện trường. Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật-Công nghệ khoảng 9%; Kinh doanh-Quản lý 8,6%.

Câu 6: Thầy/Cô đánh giá mức độ hiểu biết của mình về AI trong giáo dục như thế nào? (1. Rất thấp; 2. Thấp; 3. Trung bình; 4. Cao; 5. Rất cao)

222 câu trả lời



Mức độ hiểu biết về AI trong giáo dục (n=222)

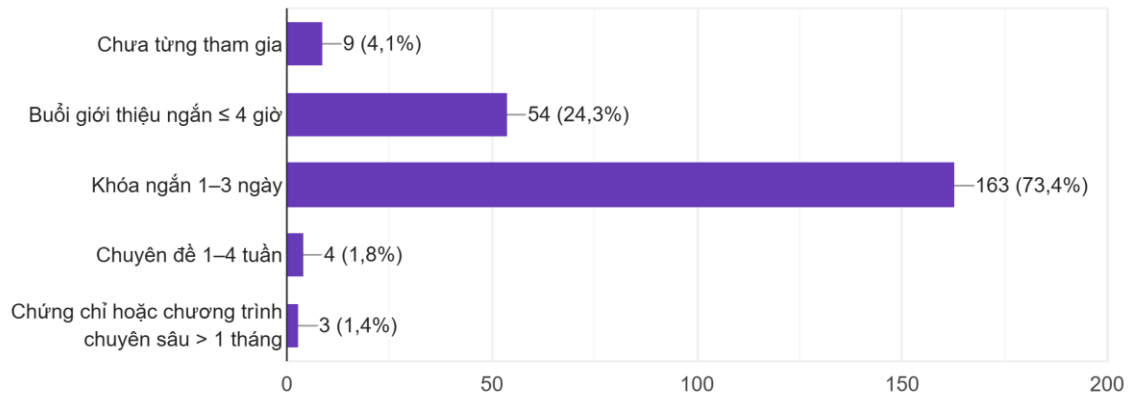
Kết quả trả lời: Rất thấp 2,7% (6); Thấp 5,4% (12); Trung bình 59,9% (133); Cao 28,4% (63); Rất cao 3,6% (8).

Thống kê nhanh: Điểm trung bình $\approx 3,25/5$ (mức trung bình), trung vị = 3, mốt = 3; nhóm ≥ 4 chiếm $\sim 32\%$, nhóm ≤ 2 chỉ $\sim 8\%$.

Nhận định: Nhận thức chung ở mức trung bình-khá; đã có hạt nhân 32% sẵn sàng làm nòng cốt, nhưng đa số còn dừng ở mức “biết và dùng cơ bản”.

Câu 7: Thầy/Cô đã từng được đào tạo/ tập huấn về ứng dụng AI trong giảng dạy?

222 câu trả lời

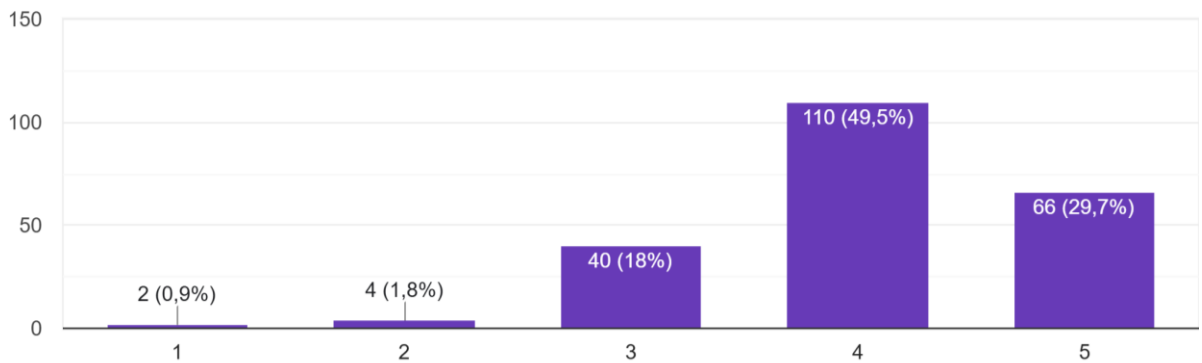


Kết quả trả lời: Ít nhất 73,4% (163) đã dự khóa 1–3 ngày; 24,3% (54) từng dự buổi ≤4 giờ; 4,1% (9) chưa từng tham gia; rất ít có trải nghiệm dài hạn (1–4 tuần: 1,8% (4); >1 tháng/có chứng chỉ: 1,4% (3)). Các tỷ lệ vượt 100% vì người trả lời có thể chọn nhiều hình thức đã từng tham gia. Tỷ lệ tiếp cận đào tạo về AI rất cao: gần như toàn bộ giảng viên đã ít nhất được giới thiệu hoặc tham gia khóa tập huấn ngắn hạn. Điều này nghĩa là ý niệm về AI trong dạy học không còn xa lạ trong đội ngũ. Tuy nhiên, chiều sâu đào tạo còn hạn chế: Trên 95% mới dừng ở mức tập huấn ngắn (vài giờ đến vài ngày), trong khi tỷ lệ được đào tạo chuyên sâu, có chiều sâu phương pháp sư phạm và triển khai thực tế kéo dài >1 tuần chỉ khoảng 3,2%. Điều này giải thích vì sao ở câu trước giảng viên tự đánh giá hiểu biết chủ yếu ở mức trung bình – khá (điểm 3 và 4), chứ chưa đạt mức rất cao: họ đã “được nghe, được thử”, nhưng chưa được tập huấn chuyên sâu để triển khai chuẩn hóa trong học phần.

Câu 8: Theo Thầy/Cô, vai trò của AI trong giảng dạy đại học hiện nay là: (Cho điểm theo 5 mức độ:

1. Không quan trọng; 2. Ít quan trọng; 3. Quan trọng vừa phải; 4. Quan trọng; 5. Rất quan trọng)

222 câu trả lời

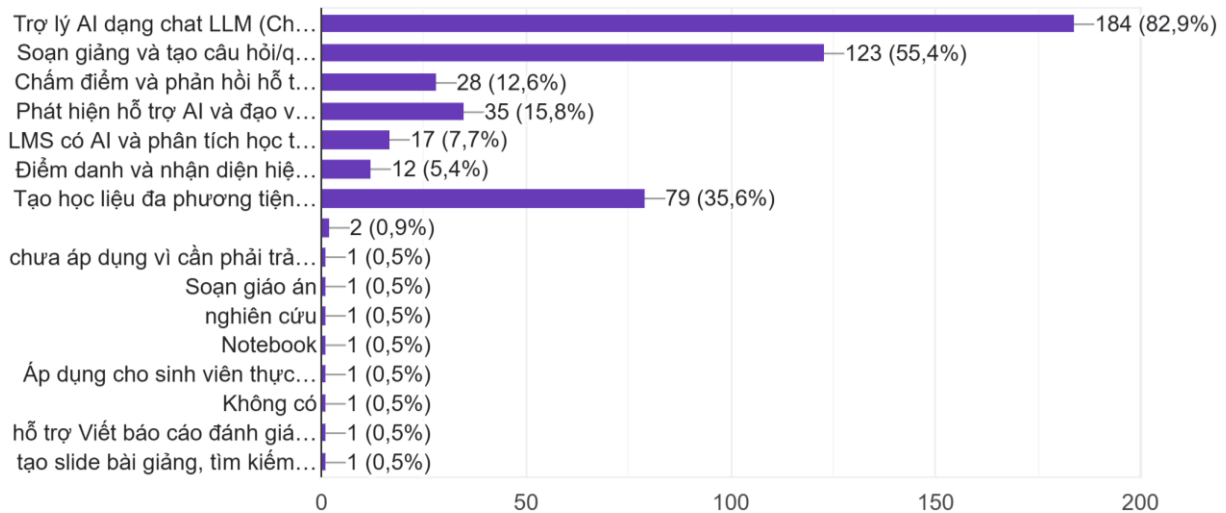


Kết quả phân bố điểm cho thấy mức đồng thuận tích cực rất cao về tầm quan trọng của AI trong dạy học: 1=0,9% (2); 2=1,8% (4); 3=18,0% (40); 4=49,5% (110); 5=29,7% (66), với điểm trung bình xấp xỉ 4,05/5, trung vị = 4, mốt = 4; nhóm ≥4 đạt 79,2% và nhóm ≤2 chỉ 2,7%. Điều này khẳng định đa số giảng viên xem AI quan trọng hoặc rất quan trọng, tạo nền tảng thiện chí chính sách để đầu tư công cụ, chuẩn mực và đào tạo. So với câu 6 về mức hiểu biết chỉ ở mức trung bình–khá (nhóm tự đánh giá mức 4–5 khoảng 32%), dữ liệu cho thấy khoảng cách giữa nhận thức tầm quan trọng và năng lực ứng dụng, do đó cần lộ trình bồi dưỡng phù hợp. Hàm ý triển khai: ban hành hướng dẫn sử dụng AI kèm danh mục công cụ có cấp phép tổ chức, quy định về disclosure, trích dẫn và bảo mật; triển khai đào tạo theo bậc từ micro-learning nền tảng đến workshop theo khối ngành tạo hiện vật và mentoring đưa vào lớp học; chuyển hóa nhận thức

thành thực hành qua thí điểm 10–15 học phần theo mô hình human-in-the-loop và công bố các showcase liên khoa.

Câu 9: Trong 12 tháng qua, Thầy/Cô đã sử dụng những nhóm công cụ AI nào trong giảng dạy hoặc quản lý lớp học? (có thể chọn nhiều phương án)

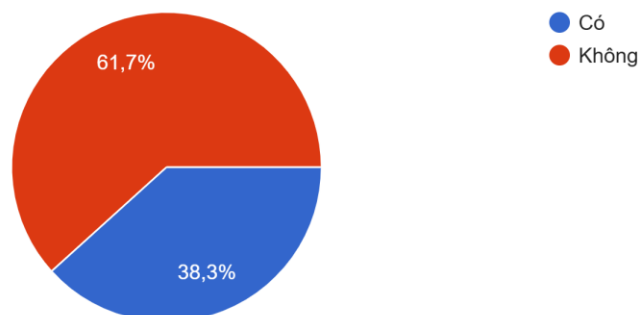
222 câu trả lời



Khảo sát cho thấy hành vi ứng dụng AI tập trung mạnh ở khâu chuẩn bị: trợ lý chat/LLM 82,9% $n = 184$, soạn giảng và tạo câu hỏi/đề 55,4% $n = 123$, tạo học liệu đa phương tiện 35,6% $n = 79$; trong khi các mảng còn hạn chế gồm phát hiện hỗ trợ AI và đạo văn 15,8% $n = 35$, chấm điểm và phản hồi hỗ trợ tự động 12,6% $n = 28$, LMS có AI hoặc learning analytics 7,7% $n = 17$, điểm danh/nhận diện hiện diện 5,4% $n = 12$; có một số mục người trả lời tự điền khoảng 0,5–0,9% và tổng vượt 100% do đa lựa chọn. Bức tranh phản ánh sự thận trọng ở các khâu đánh giá, liên chính học thuật, phân tích dữ liệu và tác vụ thi giác vì lo ngại chuẩn mực, độ tin cậy và bảo mật; hàm ý triển khai là cần chuẩn hóa bộ công cụ tổ chức LLM – tạo đề – phát hiện đạo văn kèm sổ tay sử dụng an toàn về disclosure, trích dẫn và dữ liệu nhạy cảm, thiết lập quy trình human-in-the-loop cho tạo câu hỏi, rubric, khóa đáp án, đồng thời thí điểm có kiểm soát chấm bán tự động ở học phần trắc nghiệm hoặc tiêu chí rõ và tích hợp LMS analytics để theo dõi tiến độ, cảnh báo sớm.

Câu 10. Thầy/Cô sử dụng các công cụ AI có trả phí không?

222 câu trả lời

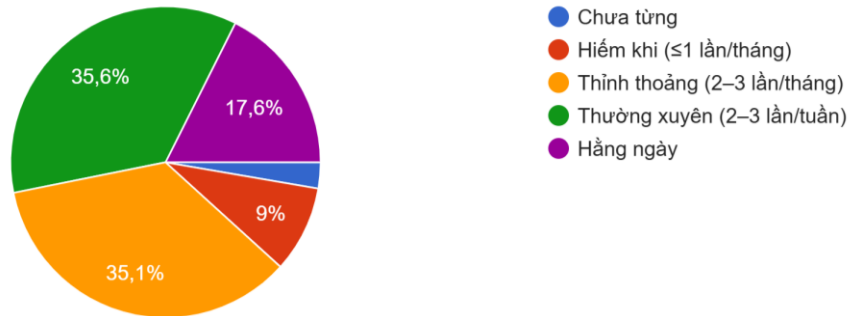


Kết quả cho thấy chỉ 38,3% giảng viên trả phí, 61,7% không trả phí, đồng nghĩa đa số đang dùng bản miễn phí. Tỷ lệ trả phí thấp phản ánh vướng mắc ngân sách, quy trình chuẩn chi và ngại về hiệu quả chi phí. Việc dùng bản miễn phí tiềm ẩn rủi ro bảo mật (lưu vết dữ liệu, thay đổi điều khoản), giới hạn tính năng/độ ổn định và khó tích hợp SSO, ghi nhật ký để kiểm soát tuân thủ. Hàm ý triển khai: Trường cần mua và chuẩn hóa gói tổ chức cho các công cụ chủ lực (LLM,

tạo đề, kiểm tra đạo văn) kèm SLA, SSO và logging; ban hành Sổ tay sử dụng an toàn (quy định dữ liệu không đưa vào bản miễn phí, nguyên tắc disclosure và trích dẫn); áp dụng cơ chế đặt mua tập trung/bồi hoàn thay vì để giảng viên tự chi lẻ.

Câu 11. Tần suất Thầy/Cô sử dụng AI trong giảng dạy

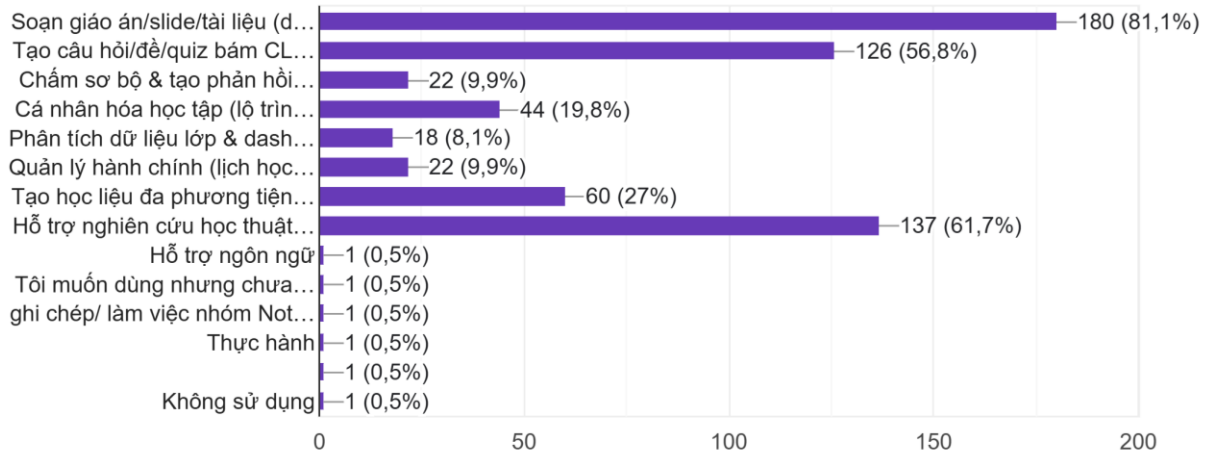
222 câu trả lời



Kết quả cho thấy tần suất sử dụng AI của giảng viên phân bố như sau: thường xuyên 2-3 lần/tuần 35,6%; thỉnh thoảng 2-3 lần/tháng 35,1%; hằng ngày 17,6%; hiếm khi (≤1 lần/tháng) 9,0%; chưa từng khoảng 2,7%. Như vậy, 88,3% đã sử dụng ở mức từ “thỉnh thoảng” trở lên, trong đó nhóm “thường xuyên + hằng ngày” đạt 53,2% tạo lực kéo mạnh để nhân rộng thực hành; ngược lại 11,7% “hiếm khi/chưa dùng” cần được bắc cầu về năng lực và công cụ để tham gia hiệu quả.

Câu 12. Các mục đích chính khi Thầy/Cô sử dụng AI trong giảng dạy (trong 12 tháng qua; chọn tối đa 03 phương án)

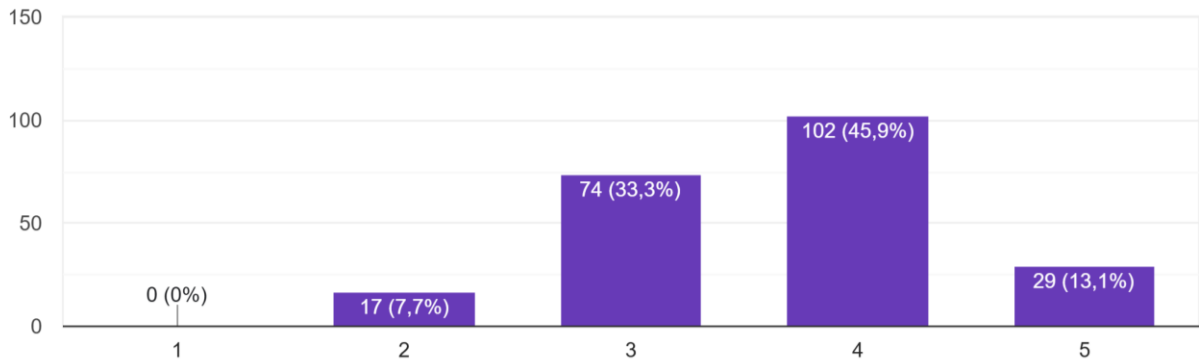
222 câu trả lời



Khảo sát cho thấy AI hiện được sử dụng chủ yếu cho soạn giáo án, slide và tài liệu 81,1% n = 180, hỗ trợ nghiên cứu học thuật như tổng hợp, rà soát, gợi ý 61,7% n = 137, và tạo câu hỏi, đề, quiz bám CLO 56,8% n = 126; mức sử dụng ở nhóm trung bình gồm tạo học liệu đa phương tiện 27,0% n = 60 và cá nhân hóa lộ trình học 19,8% n = 44; các mảng còn thấp là chấm sơ bộ và phản hồi tự động có giám sát 9,9% n = 22, quản lý hành chính 9,9% n = 22, cùng phân tích dữ liệu lớp và dashboard học tập 8,1% n = 18. Bức tranh này khẳng định AI đang tập trung vào khâu chuẩn bị và R&D học thuật, trong khi đánh giá, analytics và cá nhân hóa vẫn là khoảng trống do lo ngại liên chính, độ tin cậy và thiếu công cụ tổ chức.

Câu 13. Thầy/Cô nhận thấy việc ứng dụng AI giúp tăng hiệu quả giảng dạy ở mức nào? (Cho điểm theo 5 mức độ: 1. Không tăng; 2. Tăng ít; 3. Tăng vừa phải; 4. Tăng nhiều; 5. Tăng rất nhiều)

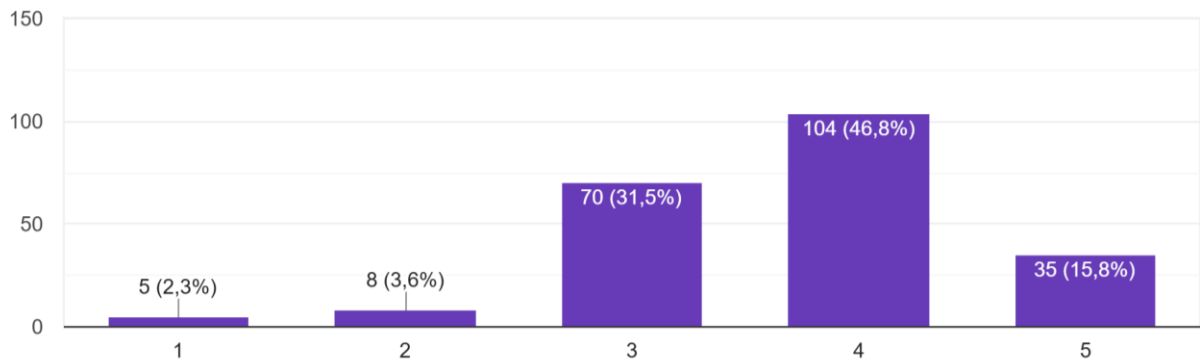
222 câu trả lời



Khảo sát 222 giảng viên về mức độ AI giúp tăng hiệu quả công việc cho thấy xu hướng nghiêng về mức khá–cao: 59,0% chấm 4–5 (mức 4: 45,9%, $n = 102$; mức 5: 13,1%, $n = 29$), không có ý kiến mức 1 và chỉ 7,7% ở mức 2; 33,3% ở mức 3 ($n = 74$). Thống kê mô tả: điểm trung bình $\approx 3,64/5$, trung vị = 4, mốt = 4. Điều này hàm ý phần lớn giảng viên ghi nhận AI làm tăng hiệu quả, phù hợp với tần suất sử dụng cao và việc AI chủ yếu cải thiện khâu tiền lên lớp như soạn bài, tạo câu hỏi và phát triển học liệu.

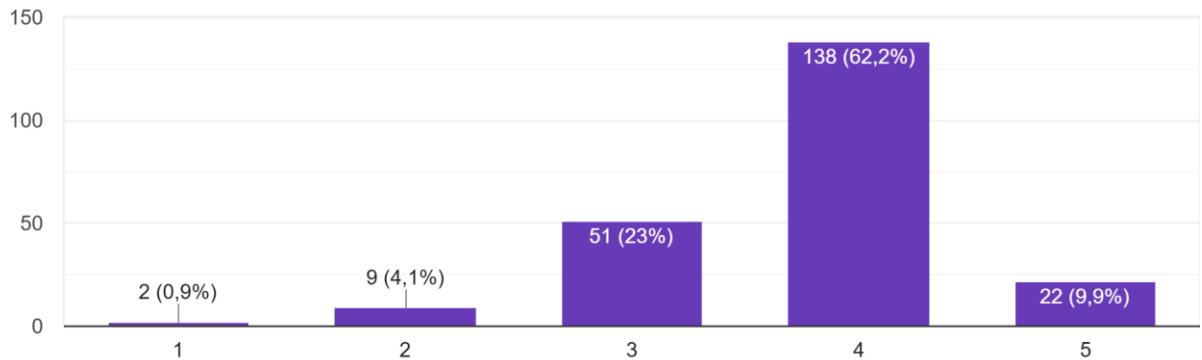
Câu 14. AI có giúp tiết kiệm thời gian trong công việc giảng dạy của Thầy/Cô không? (Cho điểm theo 5 mức độ: 1. Không tiết kiệm; 2. Tiết kiệm rất...c vừa; 4. Tiết kiệm đáng kể; 5. Tiết kiệm rất nhiều)

222 câu trả lời



Khảo sát 222 giảng viên về mức độ tiết kiệm thời gian khi dùng AI cho thấy 62,6% chấm mức 4–5 (mức 4: 46,8%, $n = 104$; mức 5: 15,8%, $n = 35$), trong khi mức ≤ 2 chỉ 5,9% (mức 1: 2,3%, $n = 5$; mức 2: 3,6%, $n = 8$) và 31,5% ở mức 3 ($n = 70$). Điểm trung bình $\approx 3,70/5$, trung vị = 4, mốt = 4, khẳng định cảm nhận tiết kiệm thời gian ở mức đáng kể. Kết quả này nhất quán với hành vi sử dụng AI hiện thiên về khâu chuẩn bị học liệu và tạo câu hỏi/đề, gợi ý ưu tiên chuẩn hóa công cụ và quy trình ở giai đoạn tiền lên lớp để tối ưu hiệu quả.

Câu 15. Thầy/Cô đánh giá thế nào về tác động của AI đến chất lượng học tập của sinh viên? (Cho điểm theo 5 mức độ: 1. Rất tiêu cực; 2. Tiêu cực; 3...ng ảnh hưởng đáng kể; 4. Tích cực; 5. Rất tích cực)
222 câu trả lời

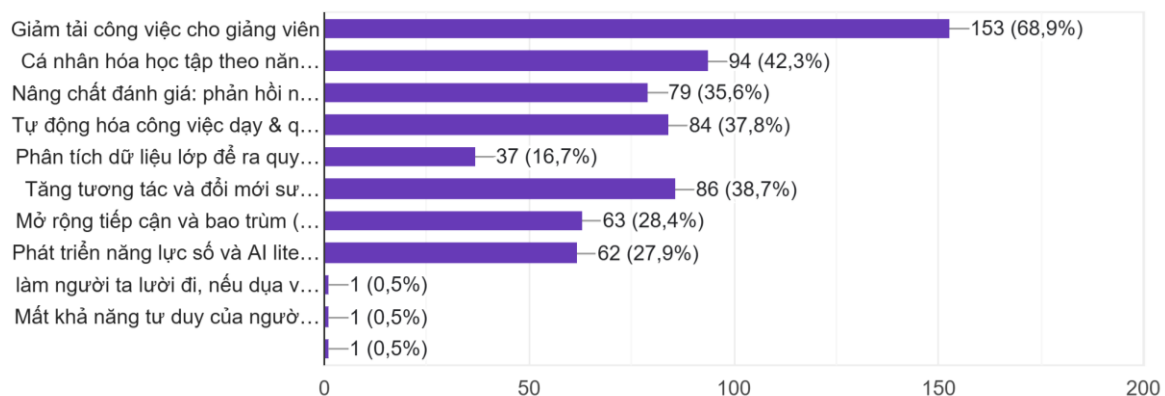


Tác động của AI đến chất lượng học tập của SV (n=222)

Khảo sát 222 giảng viên cho thấy đánh giá về tác động của AI tới chất lượng học tập của sinh viên nghiêng rõ về tích cực: 72,1% chấm mức 4–5 (mức 4: 62,2%, n = 138; mức 5: 9,9%, n = 22), trong khi mức ≤ 2 chỉ 4,95% (mức 1: 0,9%, n = 2; mức 2: 4,1%, n = 9) và 23,0% ở mức 3 (n = 51); các thống kê mean $\approx 3,76/5$, median = 4, mode = 4 cùng cổ xu hướng này. Như vậy, đa số giảng viên đánh giá AI có tác động tích cực đến chất lượng học tập, hầu như không có ý kiến rất tiêu cực; tuy nhiên còn khoảng 27,9% ở mức trung bình hoặc còn băn khoăn, cho thấy cần tiếp tục nâng năng lực sử dụng đúng chỗ, bảo đảm minh bạch – liêm chính và có cơ chế giám sát chất lượng đầu ra.

Câu 16. Theo Thầy/Cô, đâu là cơ hội lớn nhất mà AI mang lại cho giảng dạy đại học (chọn tối đa 03 phương án)?

222 câu trả lời

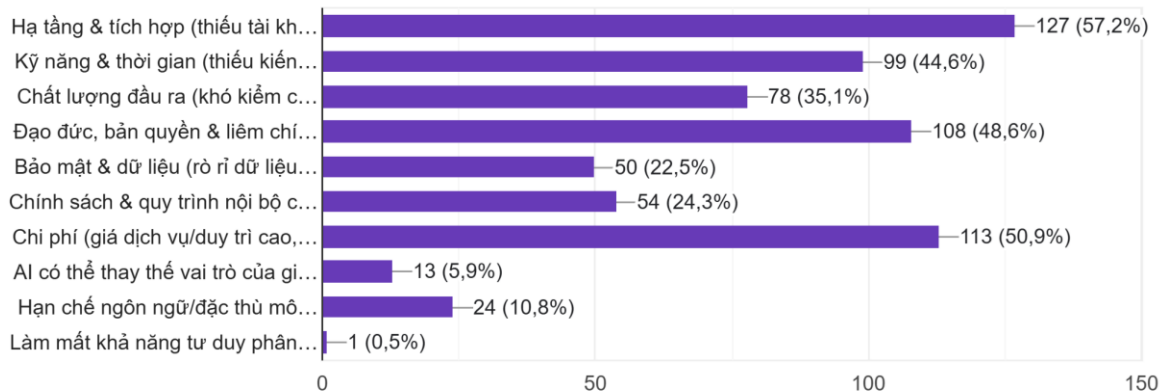


Cơ hội lớn nhất AI mang lại cho giảng dạy (n=222, chọn ≤ 3)

Khảo sát 222 giảng viên (mỗi người chọn tối đa 3) cho thấy cơ hội AI được kỳ vọng mạnh nhất ở giảm tải công việc cho giảng viên 68,9% n = 153, tiếp đến cá nhân hóa học tập theo năng lực 42,3% n = 94, tăng tương tác và đổi mới sư phạm 38,7% n = 86, tự động hóa dạy và quản lý lớp 37,8% n = 84, và nâng chất đánh giá qua phản hồi nhanh, rubric 35,6% n = 79. Các cơ hội còn yếu gồm phân tích dữ liệu lớp và ra quyết định 16,7% n = 37, bao trùm và tiếp cận mở 28,4% n = 63, nâng năng lực số và AI-literacy 27,9% n = 62; một số rất ít ý kiến khoảng 0,5% lo ngại phụ thuộc AI làm giảm tư duy. Nhìn chung, kỳ vọng tập trung vào hiệu quả công việc, cá nhân hóa và đổi mới phương pháp, trong khi learning analytics vẫn là khoảng trống do hạn chế về công cụ tổ chức và kỹ năng dữ liệu.

Câu 17. Theo Thầy/Cô, đâu là thách thức lớn nhất khi ứng dụng AI vào giảng dạy (Trong 12 tháng qua; chọn tối đa 03 phương án)?

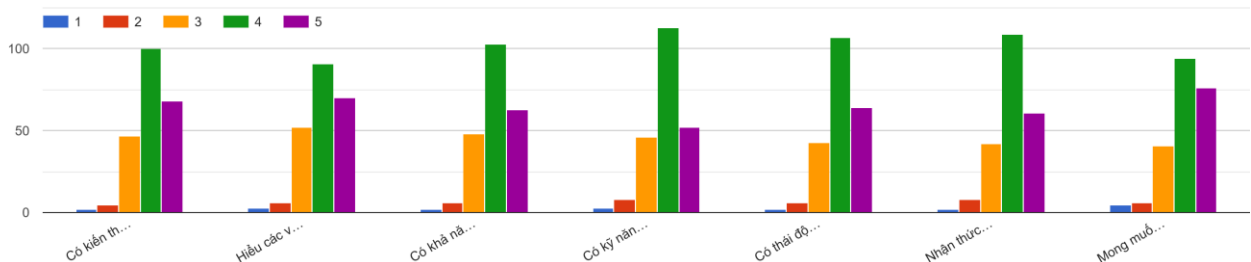
222 câu trả lời



Thách thức lớn nhất khi ứng dụng AI (n=222, chọn ≤3)

Kết quả khảo sát về thách thức khi ứng dụng AI (n = 222, mỗi người chọn tối đa 3) cho thấy nhóm rào cản chính tập trung vào: hạ tầng và tích hợp (thiếu tài khoản tổ chức/SSO, công cụ ổn định) 57,2% (127); chi phí triển khai và duy trì 50,9% (113); đạo đức, bản quyền và liên chính học thuật 48,6% (108); kỹ năng và thời gian của giảng viên (thiếu kiến thức, quá tải) 44,6% (99); chất lượng đầu ra/khó kiểm chứng 35,1% (78). Các rào cản mức thấp hơn gồm: chính sách – quy trình nội bộ 24,3%; bảo mật – dữ liệu 22,5%; hạn chế ngôn ngữ/đặc thù môn học 10,8%; lo ngại “AI thay thế giảng viên” 5,9%; và quan ngại “mất tư duy” 0,5%. Tổng thể, bức tranh cho thấy nhu cầu ưu tiên xử lý các vấn đề nền tảng (hạ tầng–chi phí–chuẩn mực đạo đức) song hành với bồi dưỡng năng lực và cơ chế kiểm chứng chất lượng đầu ra.

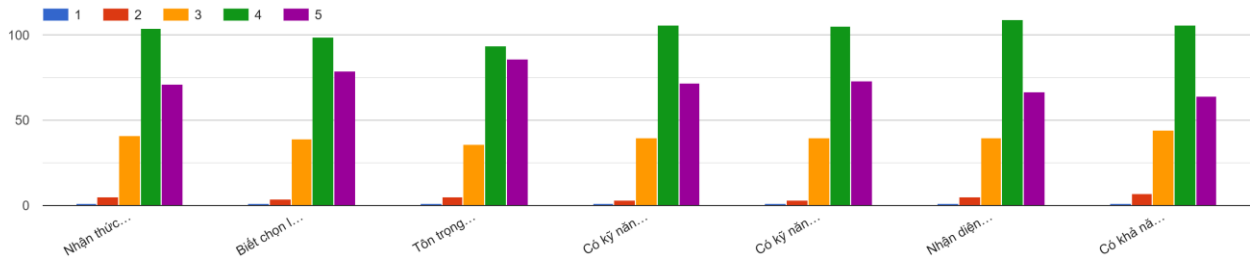
Câu 18. Theo Thầy/Cô để ứng dụng AI vào dạy học có hiệu quả, giảng viên cần có những yêu cầu nào? (cho điểm 5 mức độ theo thang đo Likert: 1. Không cần thiết; 5. Rất cần thiết)



Yêu cầu để GV ứng dụng AI hiệu quả (n=222, thang Likert 1–5)

Kết quả cho thấy ở tất cả tiêu chí, đa số lựa chọn mức 4–5 (cần thiết/rất cần thiết) và mức 1–2 rất ít, phản ánh đồng thuận rằng để dùng AI hiệu quả cần đồng thời có kiến thức, kỹ năng, thái độ và chính sách hỗ trợ, không chỉ dừng ở thao tác công cụ. Nổi bật nhất là sáu nhóm năng lực/điều kiện: (1) kỹ năng thực hành công cụ và thiết kế nhiệm vụ học tập có AI (soạn bài, tạo câu hỏi, rubric, phản hồi có giám sát); (2) kiến thức nền tảng về AI trong giáo dục; (3) hiểu biết về đạo đức, bản quyền, bảo mật và liên chính học thuật (disclosure, trích dẫn, dữ liệu nhạy cảm); (4) năng lực đánh giá, kiểm định đầu ra khi có AI hỗ trợ theo mô hình human-in-the-loop; (5) thái độ sẵn sàng đổi mới, học tập suốt đời và động lực tham gia; (6) nhận thức rủi ro như sai lệch, ảo giác, phụ thuộc và cách kiểm soát. Hàm ý triển khai: xây dựng khung năng lực AI cho giảng viên gồm 6 mô-đun tương ứng, tổ chức theo ba tầng liên thông gồm tầng nền 4–6 giờ (khái niệm, đạo đức, an toàn, ca dùng chuẩn, checklist), tầng thực hành 1–3 ngày (thiết kế bài dạy, đề-quiz-rubric, phản hồi có giám sát, nộp một hiện vật được thẩm định) và tầng chuyên sâu 4–6 tuần bán thời gian (cá nhân hóa học tập, LMS-analytics, nghiên cứu hành động tại lớp).

Câu 19. Theo Thầy/Cô để ứng dụng AI vào dạy học có hiệu quả, người học cần có những yêu cầu nào? (cho điểm 5 mức độ theo thang đo Likert: 1. Không cần thiết; 5. Rất cần thiết)

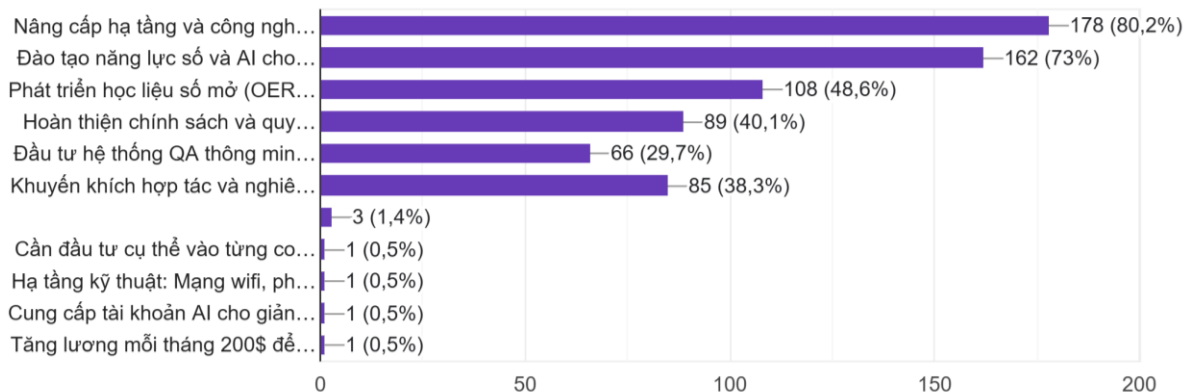


Yêu cầu đối với NGƯỜI HỌC để ứng dụng AI hiệu quả (n=222, thang 1–5)

Kết quả chung cho thấy ở tất cả tiêu chí, đa số người trả lời chọn mức 4–5 (cần thiết/rất cần thiết), mức 1–2 hầu như không đáng kể, phản ánh sự đồng thuận cao rằng để học hiệu quả với AI, sinh viên cần năng lực “AI-literacy” toàn diện chứ không chỉ biết dùng công cụ. Các năng lực cốt lõi được đánh giá cần thiết nhất gồm: nhận thức lợi ích – rủi ro và biết khi nào nên/không nên dùng AI; lựa chọn nguồn và công cụ đáng tin cậy, hiểu giới hạn mô hình và điều khoản sử dụng; tuân thủ liên chính học thuật (trích dẫn, công bố khi có AI hỗ trợ, không sao chép); thành thạo thao tác công cụ và kỹ năng “prompting” có mục tiêu; năng lực thông tin – dữ liệu (kiểm chứng, đối chiếu, trích dẫn đúng chuẩn); và khả năng nhận diện lạm dụng/sai phạm (phụ thuộc AI, đạo văn, bịa đặt) kèm cơ chế tự hiệu chỉnh.

Câu 20. Theo Thầy/Cô, Nhà trường nên ưu tiên hỗ trợ những gì để việc ứng dụng AI trong giảng dạy/học tập được hiệu quả hơn? (Chọn tối đa 03 phương án)

222 câu trả lời



Theo khảo sát 222 giảng viên (mỗi người chọn tối đa 3 ưu tiên), nhu cầu hỗ trợ nổi bật để ứng dụng AI hiệu quả tập trung vào ba trụ chính: thứ nhất, nâng cấp hạ tầng và công nghệ 178 lượt, 80,2% gồm tài khoản tổ chức, SSO (Single Sign-On, cơ chế đăng nhập một lần dùng tài khoản tổ chức để truy cập nhiều hệ thống mà không phải nhập mật khẩu lặp lại), công cụ ổn định và tích hợp LMS; thứ hai, đào tạo năng lực số và AI cho giảng viên – sinh viên 162 lượt, 73% với lộ trình bồi dưỡng hệ thống; thứ ba, phát triển học liệu số mở có AI hỗ trợ 108 lượt, 48,6% cần kho mẫu và ca sử dụng dùng chung. Bên cạnh đó, các yêu cầu khung đỡ gồm hoàn thiện chính sách và quy trình 89 lượt, 40,1% về công bố sử dụng AI, trích dẫn, bảo mật và thẩm định; khuyến khích hợp tác và nghiên cứu 85 lượt, 38,3% với doanh nghiệp và nhóm nghiên cứu; đầu tư hệ thống bảo đảm chất lượng thông minh 66 lượt, 29,7% như dashboard, cảnh báo sớm và phân tích học tập. Kết

quả này phù hợp với các rào cản đã ghi nhận về hạ tầng, chi phí và liên chính học thuật, cũng như phản ánh mẫu hình sử dụng hiện tại còn thiên về khâu chuẩn bị.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, Nhà trường chủ động đổi mới quản trị và hoạt động học thuật: phát triển đội ngũ, hiện đại hóa hạ tầng số, chuẩn hóa chương trình, nâng cấp học liệu – thư viện số, tăng cường hỗ trợ dạy học và nghiên cứu, mở rộng gắn kết cộng đồng. Trên nền tảng đó, khảo sát thực trạng ứng dụng AI trong dạy học được triển khai nhằm đo lường mức độ sẵn sàng của giảng viên, nhận diện hành vi sử dụng, rào cản và cơ hội cải tiến, qua đó cung cấp căn cứ dữ liệu cho hoạch định chính sách, chuẩn hóa thực hành và đầu tư hạ tầng – năng lực trong giai đoạn tiếp theo. Kết quả khảo sát là đầu vào cho chu trình PDCA bảo đảm chất lượng, phục vụ mục tiêu chuẩn hóa đánh giá có AI, phát triển học liệu số mở và triển khai phân tích học tập để ra quyết định dựa trên dữ liệu.

1. Kết luận

Bức tranh chung tích cực nhưng chưa đồng đều: 79% giảng viên (GV) xem AI quan trọng/rất quan trọng, 72% đánh giá tác động tích cực tới học tập và ~63% cho rằng tiết kiệm thời gian đáng kể.

Khoảng cách nhận thức – năng lực: Năng lực hiện tại chủ yếu mức trung bình–khá (xấp xỉ mức 3/5); xuất hiện chênh lệch giữa hiểu tầm quan trọng và khả năng triển khai trong lớp học thực tế.

Hành vi sử dụng lệch về khâu chuẩn bị: GV dùng AI nhiều cho LLM/chat, soạn giảng, tạo học liệu/câu hỏi; các mảng đánh giá bán tự động, learning analytics, cá nhân hóa còn hạn chế.

Tần suất cao nhưng chưa chuẩn hóa công cụ: 53% dùng thường xuyên/hàng ngày; 62% phụ thuộc công cụ miễn phí, tiềm ẩn rủi ro bảo mật – bản quyền – thiếu tích hợp.

Đào tạo ngắn, thiếu chiều sâu. 73% chỉ tham gia khóa 1–3 ngày; thiếu lộ trình dài hạn/có chứng chỉ và cộng đồng phát triển nghề nghiệp.

Rào cản chính: hạ tầng & tích hợp; chi phí và cấp phép; đạo đức – liên chính; kỹ năng và thời gian; khó kiểm chứng chất lượng đầu ra.

Cơ hội ưu tiên: Giảm tải cho giảng viên, cá nhân hóa học tập, đổi mới sư phạm, tự động hóa quy trình; Nhà trường cần tập trung vào hạ tầng, nâng cao năng lực và phát triển học liệu số mở (OER) để khai thác hiệu quả AI.

2. Kiến nghị

a) Chính sách và quản trị

Ban hành chính sách sử dụng AI trong dạy học và đánh giá cấp Trường, quy định phạm vi áp dụng, trách nhiệm, minh bạch nguồn và bảo vệ dữ liệu.

Thiết lập cơ chế điều phối liên đơn vị do các khoa làm đầu mối, phối hợp các phòng/ban liên quan; thực hiện hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi PDCA và báo cáo định kỳ.

b) Chuẩn hóa thực hành dạy và đánh giá

Phát hành gói tài liệu dùng chung: mẫu chính sách AI gắn đề cương, bộ rubric tích hợp AI và hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi theo chuẩn metadata.

Áp dụng phản hồi tự động có giám sát ở các học phần quy mô lớn; xây dựng kho học liệu số mở và thư viện gợi ý theo ngành.

c) Hạ tầng, cấp phép và tích hợp

Ưu tiên mua sắm, cấp phép các công cụ AI giáo dục; tích hợp đăng nhập một lần với LMS và kích hoạt cơ chế ghi nhật ký để giám sát.

Thiết lập khu thử nghiệm dữ liệu cho học phần có AI, áp dụng ẩn danh hóa và phân quyền; không đưa dữ liệu nhạy cảm lên dịch vụ công cộng.

Trên đây là kết quả khảo sát năm 2025 của Nhà trường về ứng dụng AI trong giảng dạy tại Trường Đại học Tây Nguyên./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan (để biết);
- Đăng tải Website;
- Lưu: QLCL.

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

TS. Trần Văn Cường